**PHỤ LỤC**

**(***Đính kèm Kế hoạch số /KH-UBND ngày /12/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị***)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nhiệm vụ cụ thể** | **Hoạt động** | **Kết quả/Sản phẩm** | **Cơ quan chủ trì** | **Cơ quan phối hợp** | **Thời gian hoàn thành** | **Kinh phí** |
| **I** | **CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH** | | | | | | |
| 1 | Ban hành kế hoạch cải cách hành chính năm 2022 | Soạn thảo, lấy ý kiến, ban hành Kế hoạch | Kế hoạch CCHC của UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Các sở, ban, ngành | Trước 25/12/2022 | Thường xuyên |
| Kế hoạch CCHC của các sở, ban, ngành | Văn phòng sở (hoặc phòng Tổ chức- Hành chính) | Các phòng, ban, chuyên môn, đơn vị thuộc sở, ban, ngành | Theo quy định |
| Kế hoạch CCHC của UBND cấp huyện; UBND cấp xã | Phòng Nội vụ huyện, thị xã, thành phố | Các phòng, ban, chuyên môn, đơn vị thuộc UBND cấp huyện, cấp xã. |
| 2 | Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác trọng tâm của UBND tỉnh, UBND các cấp, các sở, ban, ngành | Xác định nhiệm vụ trọng tâm, ban hành văn bản | Chương trình, Kế hoạch công tác | Văn phòng UBND các cấp; Văn phòng các sở, ban, ngành | Các sở, ban, ngành, các phòng ban... liên quan | 01/2022 | nt |
| 3 | Ban hành kế hoạch và tổ chức tuyên truyền công tác CCHC năm 2022 (các cơ quan, đơn vị ban hành kế hoạch và tổ chức tuyên truyền công tác CCHC theo quy đinh) | Thông tin tuyên truyền công tác CCHC | Kế hoạch của UBND tỉnh;  Các bài viết, phóng sự; Cuộc thi về CCHC | Sở Nội vụ; Thông tin và Truyền thông | Các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện; Báo, Đài PTTH … | KH ban hành trong tháng 01/2022 | nt |
| 4 | Chấm điểm Kết quả công tác CCHC của tỉnh năm 2021 (Chỉ số PAR INDEX) | Tự đánh giá chấm điểm PAR INDEX teho Bộ Chỉ số của Bộ Nội vụ | - Kế hoạch UBND tinh  - Báo cáo kết quả của UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Văn phòng UBND tỉnh và các sở đước phân công | Quý I | nt |
| 5 | Ban hành Kế hoạch và tổ chức kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị | Tổ chức kiểm tra 30% cơ quan, đơn vị trực thuộc;  Kết luận kiểm tra.  Các văn bản khắc phục của cơ quan, đơn vị được kiểm tra | - Quyết định của UBND tỉnh; Quyết định của UBND cấp huyện.  Thông báo kết luận kiểm tra  Văn bản khắc phục | - Sở Nội vụ  - Phòng Nội vụ | - Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện.  - Các phòng, ban, đơn vị, UBND cấp xã | Hoàn thành trước Quý III/2022 | nt |
| Quyết định; Thông báo kết luận  Các văn bản khắc phục | Văn phòng (Phòng HCTH) | Các phòng ban liên quan | Hoàn thành trước Quý IV/2021 |  |
| 6 | Xếp loại Chỉ số CCHC các cấp | Triển khai việc đánh giá, xếp loại Chỉ số CCHC các cấp | - Quyết định của UBND tỉnh  - Quyết định của UBND cấp huyện | - Sở Nội vụ  - Phòng Nội vụ | - Các sở, ban; UBND cấp huyện  - UBND cấp xã | Hoàn thành trước tháng 1 năm liền kế | nt |
| 7 | Xếp loại Mức độ hoàn thành nhiệm vụ các Sở, Ban và UBND cấp huyện | Triển khai việc đánh giá, xếp loại Mức độ HTNV các Sở, Ban, UBND cấp huyện | Quyết định của UBND tỉnh | - Sở Nội vụ | - Các sở, ban;  - UBND cấp huyện | Hoàn thành trước tháng 1 năm liền kế | nt |
| 8 | Tham mưu văn bản đẩy mạnh CCHC trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2026 | Tiếp tục triển khai Chương trình tổng thể CCHC nhà nước; Nghị quyết của Tỉnh uỷ về đẩy mạnh CCHC | Công văn của UBND tỉnh; | Sở Nội vụ | Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện | Quý IV |  |
| 9 | Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ CCHC năm 2022, phương hướng nhiệm vụ năm 2023 | Tổng hợp, báo cáo kết quả công tác CCHC các cấp Quý, 6 tháng, năm theo quy định | Báo cáo của UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; | Theo quy định về nội dung, mốc thời gian báo cáo  Quý IV  Quý IV |  |
| Báo cáo của các sở, ban, ngành | Văn phòng các sở, ban, ngành | Các phòng, ban, đơn vị có liên quan. |
| Báo cáo của UBND cấp huyện; cấp xã | UBND cấp huyện; cấp xã | Các phòng, ban, đơn vị thuộc UBND cấp huyện; Văn phòng cấp xã |
| 10 | Duy trì, cải thiện và nâng cao chỉ số: PAPI, PCI, PAR INDEX, SIPAS, ICT INDEX. | Các văn bản chỉ đạo điều hành nhằm cải thiện và nâng cao chỉ số: PAPI, PCI, PAR INDEX, SIPAS, ICT INDEX. | Các văn bản của UBND tỉnh | VP UBND tỉnh, các Sở chịu trách nhiệm tham mưu nâng cao các Chỉ số | Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã | Thường xuyên |  |
| **II** | **CẢI CÁCH THỂ CHẾ** | | | | | | |
| 1 | Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) của HĐND và UBND | Lập đề nghị xây dựng Nghị quyết, Quyết định | Tờ trình, Nghị quyết, Quyết định | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện | Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tư pháp | Thường xuyên |  |
| Soạn thảo, lấy ý kiến dự thảo Nghị quyết, Quyết định | Công văn | Cơ quan soạn thảo văn bản QPPL | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện | Thường xuyên |  |
| Thẩm định dự thảo văn bản | Báo cáo thẩm định văn bản | Sở Tư pháp; Phòng Tư pháp |  | Thường xuyên |  |
| Ban hành văn bản QPPL | Nghị quyết, Quyết định | Cơ quan soạn thảo văn bản QPPL | Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tư pháp; Phòng Tư pháp cấp huyện | Thường xuyên |  |
| 2 | Kiểm tra văn bản QPPL | Tự kiểm tra Quyết định của UBND | Phiếu kiểm tra, Báo cáo nội dung trái pháp luật (nếu có). | Sở Tư pháp, UBND cấp huyện | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện | Thường xuyên |  |
| Xây dựng và ban hành Kế hoạch kiểm tra văn bản QPPL | Kế hoạch | Sở Tư pháp; Phòng Tư cấp huyện | Văn phòng UBND tỉnh; Văn phòng HĐND, UBND cấp huyện | Tháng 01/2022 |  |
| Kiểm tra văn bản văn bản QPPL | Quyết định, Biên bản, Kết luận kiểm tra | Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp cấp huyện | UBND cấp huyện, cấp xã | Thường xuyên |  |
| 3 | Rà soát văn bản QPPL thuộc lĩnh vực quản lý của ngành | Kế hoạch rà soát văn bản QPPL | Kế hoạch | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Uỷ ban nhân dân cấp huyện |  | Trước ngày 15/01/2022 |  |
| Báo cáo kết quả công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL trong năm rà soát | Báo cáo | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện |  | Trước ngày 18/11/2022 |  |
| Công bố danh mục văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành hết liệu lực, ngưng hiệu lực | Quyết định | Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh; UBND cấp huyện | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện | Trước ngày 31/01/2023 |  |
| 4 | Công tác pháp chế | Xây dựng và ban hành Kế hoạch về công tác pháp chế | Kế hoạch | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; |  | Tháng 01/2022 |  |
|  | Triển khai có hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật; đổi mới công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước trong công tác tổ chức thi hành pháp luật | Xây dựng và ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật | Kế hoạch | Sở Tư pháp; UBND cấp huyện | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; các cơ quan chuyên môn cấp huyện | Trước ngày 30/01/2022 *(Nghị định 32/2020/NĐ-CP quy định UBND tỉnh ban hành Kế hoạch trước ngày 30/1 hằng năm* |  |
| Thực hiện công tác kiểm tra tình hình thi hành pháp luật | Quyết định, Biên bản, Kết luận kiểm tra | Sở Tư pháp | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện | 2022 |  |
| Thực hiện hoạt động điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật | Phương án điều tra, khảo sát | Sở Tư pháp | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện | 2022 |  |
| 5 | Tăng cường vai trò của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp và cộng đồng trong phản biện chính sách và giám sát thi hành pháp luật; kịp thời xử lý các vấn đề mới phát sinh trong tổ chức thi hành pháp luật | Tăng cường năng lực phản ứng chính sách, kịp thời xử lý các vấn đề mới phát sinh trong tổ chức thi hành pháp luật | Các văn bản xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật/Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật hàng năm | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh: đối với xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật;  Sở Tư pháp: đối với Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật hàng năm | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện | Trước ngày 10/12/2022 |  |
| 6 | Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. | Thực hiện hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua hình thức công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông | Các cổng, Trang phổ biến giáo dục pháp luật tiếp tục được duy trì, vận hành | Sở Tư pháp;  Các Sở, Ngành; UBND cấp huyện | Các Sở, Ngành; UBND cấp huyện | Năm 2022 |  |
| **III** | **CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH** | | | | | | |
| 1 | Xây dựng Kế hoạch, tổ chức kiểm soát TTHC năm 2022 | Ban hành Kế hoạch | Kế hoạch của UBND tỉnh | Văn phòng UBND tỉnh | Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện | Tháng 1/2022 | Thường xuyên |
| Kế hoạch của các sở, ban, ngành | Văn phòng | Các phòng, ban, đơn vị; |
| Kế hoạch của UBND cấp huyện, cấp xã | Phòng Tư pháp, Tư pháp xã | Các phòng, ban, liên quan |
| 2 | Rà soát, đơn giản hóa, công bố các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND các cấp. | Rà soát, báo cáo kết quả đơn giản | Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh | - Các sở, ban, ngành  - UBND cấp huyện | Văn phòng UBND tỉnh | Thường xuyên | nt |
| 3 | Triển khai thực hiện NĐ 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện TTHC trên môi trường điện tử | Hướng dẫn  Triển khai phần mềm | Kế hoạch  Văn bản Hướng dẫn  Phần mềm | Văn phòng UBND tỉnh  Sở Thông tin và Truyền thông | Các sở ban; UBND cấp huyện, UBND cấp xã | Năm 2022 | nt |
| 4 | Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông của cả 3 cấp (cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã) | Rà soát quy trình, trình UBND tỉnh | Quyết định UBND tỉnh | - Các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh; | - UBND cấp huyện;  - UBND cấp xã. | Thường xuyên | nt |
| 5 | Kiểm tra công tác kiểm soát TTHC tại các cơ quan hành chính nhà nước (Lồng ghép với đoàn Kiểm tra CCHC) | Tổ chức kiểm tra, đánh gia | Quyết định  Kế hoạch  Báo cáo kết quả kiểm tra  Văn bản khắc phục | Văn phòng UBND tỉnh | - Các sở, ban, ngành  - UBND cấp huyện, cấp xã | Quý II, III/2022 | nt |
| 6 | Công khai TTHC lên cơ sở dữ liệu quốc gia, trang thông tin điện tử của tỉnh và tại các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã. | Cập nhật, công khai TTHC | Các TTHC được công khai | Văn phòng UBND tỉnh | Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã | 2022 | nt |
| 7 | **Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.** | Tổ chức tiếp nhận, xử lý kiến nghị | Báo cáo của UBND tỉnh | Văn phòng UBND tỉnh | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố | 2022 | nt |
| Báo cáo của UBND cấp huyện | Văn phòng HĐND&UBND,  Thanh tra huyện; | Các phòng, ban, đơn vị thuộc UBND cấp huyện có liên quan. |
| Báo cáo của UBND cấp xã | Văn phòng UBND xã,  Tư pháp xã | Các cơ quan, đon vị có liên quan |
| 8 | T**iếp tục triển khai đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính** |  | Báo cáo kết quả khảo sát | Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã | Sở Nội vụ | Hàng Quý | nt |
| 9 | Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ chế 1 cửa, 1 cửa liên thông. Nâng cao chất lượng, đẩy mạnh thực hiện tiếp nhận và giải quyết TTHC mức độ 3, mức độ 4 trên Cổng dịch vụ công quốc gia và Cổng dịch vụ công của tỉnh | Số hoá TTHC;  Tổ chức tiếp nhận, giải quyết HS TTHC  Triển khai phương thức thanh toán | Kế hoạch  Công văn  Quyết định | Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, UBND các xã, phường, thị trấn | Văn phòng UBND tỉnh | Thường xuyên | Thường xuyên và theo Đề án số hoá |
| 10 | Nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận một cửa các cấp | Sắp xếp lại các bộ phận  Cải tại trụ sở TT phục vụ HCC tỉnh | Đề án  Quyết định | Văn phòng UBND tỉnh  UBND các cấp | Các sở, ban có liên quan | Quý III, Quý IV | Thường xuyên |
| 11 | Hoàn thiện phần mềm theo dõi đánh giá công tác | Phần mềm được chỉnh sửa  Các công việc được đánh giá, cập nhật | Phần mềm  Báo cáo kết quả | Văn phòng UBND tỉnh | Các cơ quan, đơn vị có liên quan | Thường xuyên |  |
| **IV** | **CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC** | | | | | | |
| 1 | Ban hành mới hoặc điều chỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện theo quy định mới của Chính phủ và hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương | Rà soát chức năng, nhiệm vụ | Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện | - Sở Nội vụ  - Phòng Nội vụ | Sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố | Năm 2022 | nt |
| 2 | Tiếp tục tổ chức và sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp theo Đề án 1322 của UBND tỉnh Quảng Trị | Rà soát, sắp xếp | Quyết định UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Sở, ban, ngành, các đơn vị có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố | Thường xuyên | nt |
| 3 | Sắp xếp, tổ chức lại các phòng chuyên môn, ban, chi cục thuộc Sở chưa đảm bảo theo đúng quy định của Nghị định số 107/2020/NĐ-CP. | Đề án  Phương án | Quyết định | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh | Sở Nội vụ | Thường xuyên | nt |
| 4 | Sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp không đảm bảo điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ | Xây dựng đề án, thực hiện việc sắp xếp | Quyết định | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện | Sở Nội vụ |  | nt |
| 5 | Phê duyệt vị trí việc làm trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp trên toàn tỉnh | Xây dựng hoặc bổ sung Đề án | Quyết định | Sở Nội vụ | Sở, ban, ngành, các đơn vị có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố | Thường xuyên | nt |
| 6 | Sắp xếp bố trí cán bộ, công chức sau bầu cử và sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã | Rà soát  Hướng dẫn  Tham mưu ban hành chính sách | Báo cáo  Đề án  Quyết định  Nghị quyết (nếu được thông quá) | Sở Nội vụ  UBND cấp huyện | Các cơ quan, đơn vị liên quan | Quý III, quý IV | nt |
| 7 | Tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế theo lệ trình đã được Chương trình tổng thể CCHC nhà nước đề ra (đến năm 2025 giảm 10% so với năm 2021) | Hướng dẫn, đôn đốc | Quyết định của UBND tỉnh; | Sở Nội vụ | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố | Tháng 5 và tháng 11 | nt |
| 8 | Thực hiện các nội dung Phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền theo Nghị quyết năm 2021 của Chính phủ và Kế hoạch của UBND tỉnh | Văn bản triển khai | - Quyết định  - Báo cáo | Sở Nội vụ; các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố | Thường xuyên | nt |
| 9 | Thanh tra, kiểm tra về công tác tổ chức bộ máy, biên chế, vị trí việc làm của các cơ quan, đơn vị | Tổ chức thanh tra, kiểm tra | Kế hoạch thanh tra, kiểm tra; Kết luận thanh tra, kiểm tra | Sở Nội vụ; các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố | Theo Kế hoạch phê duyệt | nt |
| **V** | **CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ** | | | | | | |
| 1 | Xây dựng và thực hiện Đề án thi tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch, thăng hạng chức danh nghề nghiệp và tổ chức thực |  | - Đề án trình UBND tỉnh;  - Các văn bản hướng dẫn thực hiện.  - XD Phần mềm thi tuyển | Sở Nội vụ | Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh | Năm 2022 | Thường xuyên |
| 2 | Xây dựng Phần mềm đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, tổ chức áp dụng có hiệu quả phần mềm đánh giá; | Xây dựng phần mềm theo Quyết định số 3784/QĐ-UBND ngày 24/11/2021 của UBND tinh Quảng Trị | - Phần mềm và quy chế đánh giá  - Báo cáo kết quả | Sở, ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp, UBND cấp huyện | Sở Nội vụ | Quý II, quý III | nt |
| 3 | Đào tạo, bồi dưỡng và tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; đại biểu HĐND các cấp năm 2022; đánh giá kết quả đào tạo, bồi dưỡng. | Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng phù hợp (kể cả trong điều kiện dịch Covid 19) | - Kế hoạch đào tạo năm  - Tổ chức các lớp bồi dưỡng | Sở Nội vụ | Các cơ sở đào tạo trong tỉnh, các sở, ban,ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố | Thường xuyên | nt |
| 4 | Tiếp tục tham mưu thực hiện tốt Quyết định 1847/QĐ-TTg ngày 7/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Văn hóa công vụ năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. | Rà soát các tiêu chí, tham mưu văn bản tổ chức thực hiện | Công văn (tham mưu) chỉ đạo; Báo cáo kết quả | Sở Nội vụ | Các cơ sở đào tạo trong tỉnh, các sở, ban,ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố | Thường xuyên | nt |
| 5 | Thanh tra, kiểm tra công vụ, kiểm tra việc thực thi nhiệm vụ và chấp hành các quy định của nhà nước về công chức, công vụ (thực hiện theo Kế hoạch định kỳ, đột xuất). | Tổ chức thanh tra, kiểm tra | - Kế hoạch thanh tra  - Báo cáo kết quả thanh tra  - Văn bản chấn chỉnh, xử lý sau thanh tra. | Sở Nội vụ | UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn | Thường xuyên |  |
| 6 | Giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức sau bầu cử và sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã, người hoạt động không chuyên trách cấp xã | Rà soát, xây dựng đề án, phương án, đề xuất | - Nghị quyết HĐND tỉnh  - Quyết định UBND tỉnh | Sở Nội vụ; Sở Tài chính | Văn phòng UBND tỉnh, UBND cấp huyện | Quý IV | Theo quy định và chính sách hỗ trợ |
| **VI** | **CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG** | | | | | | |
| 1 | Giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2021-2025;  Tiếp tục triển khai Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ cho đơn vị sự nghiệp công lập Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 về quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và lĩnh vực sự nghiệp khác: | Xây dựng Đề án, phương án | Quyết định của UBND tỉnh | Sở Tài chính | Các sở, ban liên quan, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố | Năm 2022 | Thường xuyên |
| 2 | Tiếp tục thực hiện cổ phần hóa các DNNN tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư sang loại hình doanh nghiệp; chuyển các đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.theo Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ | Rà soát, xây dựng Đề án, phương án | - Kế hoạch  - Quyết định | Sở Tài chính | Các sở, ban, ngành; UBND các cấp | Thường xuyên | Theo Đề án |
| 3 | Rà soát đánh giá việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức khoa học công nghệ theo Nghị định 115/2005/NĐ-CP và Nghị định số 96/2010/NĐ-CP của Chính phủ | Rà soát, đánh giá | Báo cáo kết quả thực hiện | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Tài chính | Năm 2022 | Thường xuyên |
| 4 | Chuyển một số đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong các lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo tại những nơi có điều kiện, sang tự chủ tự chủ chi thường xuyên, tiến tới tự chủ hoàn toàn. | Xây dựng Đề án, phương án | - Quyết định  - Báo cáo kết quả thực hiện xã hội hóa | Sở Tài chính  Sở Nội vụ | Sở Y tê, Sở Giáo dục và đào tạo; UBND cấp huyện | Năm 2022 | Theo đề án |
| 5 | Thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát đối với các cơ quan hành chính, đơn vị SN trong quản lý, sử dụng ngân sách. Tham mưu các biện pháp tăng nguồn thu ngân sách | Rà soát, đánh giá | Chương trình, kế hoạch, các văn bản chỉ đạo | Sở Tài chính  Phòng Tài chính | Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện | Thường xuyên | Thường xuyên |
| 6 | Tham mưu định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2023 | Rà soát, đánh giá | Nghị quyết HĐND tỉnh;  QĐ UBND tỉnh | Sở Tài chính | Các sở, ban liên quan, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố | Tháng 12/2022 | nt |
| **VII** | **XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ** | | | | | | |
| 1 | Xây dựng và triển khai Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước năm 2022 | Xây dựng Kế hoạch | - Kế hoạch ứng dụng CNTT  - Công văn triển khai  - Báo cáo kết quả | Sở Thông tin và Truyền thông | Các sở, ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố | Năm 2022 | Thường xuyên |
| 2 | Triển khai Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 04/11/2021 của Tinh uỷ về chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. | Xây dựng Chương trình, đề án | Kế hoạch (chương trình)  Đề án | Sở Thông tin và Truyền thông | Các sở, ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố | Năm 2022 | Theo Đề án |
| 3 | Tiếp tục triển khai QĐ số 1765/QĐ-UBND ngày 01/8/2018 của UBND tỉnh về XD mô hình đô thị thông minh tỉnh Quảng Trị GĐ 2018-2023 tầm nhìn đến 2030 | Rà soát, xây dựng các phương án | Các hạng mục được đầu tư, các nhiệm vụ được thực hiện theo lộ trình | Sở Thông tin và Truyền thông | Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã | Năm 2022 | Theo Đề án |
| 4 | Tăng cường triển khai ứng dụng chữ ký số chuyên dùng trong HĐ của CQNN tỉnh QT giai đoạn 2017-2021; QĐ số 10/2017/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 của UBND tỉnh QT về ban hành Quy chế QL&SD chữ ký số, chứng thư số chuyên dùng trên địa bàn | Rà soát, ban hành các văn bản triển khai | - Đăng ký, cấp mới, gia hạn thu hồi chứng thư số  - Đào tạo, tập huấn về quản lý, sử dụng  - Áp dụng | Sở Thông tin và Truyền thông | Các sở, ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố | Năm 2022 | Thường xuyên |
| 5 | Hoàn thiện Cổng dịch vụ công trực tuyến. Đẩy mạnh các dịch vụ trực tuyến mức độ 3, 4. | Rà soát, tham mưu nội dung | Dự án, Chương trình  Các hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3, 4 | Văn phòng UBND tỉnh  Sở Thông tin và Truyền thông | Các sở, ban ngành; Văn phòng UBND các huyện, thị xã, thành phố | Năm 2022 | Theo Đề án |
| 6 | Tiêp tục thực hiện QĐ số 45/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tiếp nhận hồ sơ trả kết quả thủ tục hành chính qua dịch vụ BCCI. | Văn bản chỉ đạo, triển khai | - Báo cáo  - Công văn | Sở Thông tin và Truyền thông | Các sở, ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố | Năm 2022 | Thường xuyên |
| 7 | Kiểm tra và giám sát áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 vào các cơ quan hành chính nhà nước các cấp. | Tổ chức kiểm tra  Tham mưu quy trình | Báo cáo của UBND tỉnh (hoặc Sở Khoa học và Công nghệ). | Sở Khoa học và Công nghệ | Các cơ quan, đơn vị liên quan | Thường xuyên | Theo Kế hoạch |
| 8 | Nghiên cứu khả thi Đề án xây dựng Khu hành chính cấp tỉnh, tỉnh Quảng Trị (Trung tâm hành chính tập trung của tỉnh).  Cải tạo nâng cấp trụ sở làm việc của các xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh trong thực hiện Nghị quyết 832/NQ-UBTVQH14 ngày 17/12/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội | Xây dựng ban hành Đề án | Các xã, thị trấn được cải tạo, nâng cấp, bố trí hợp lý | - Sở Xây dựng  - UBND các huyện | Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ và UBND các xã, thị trấn sắp xếp | Năm 2022 | Theo Đề án |